

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÁC NGÀNH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

3.1. Ngành công nghiệp

3.1.1. Vị trí ngành sản xuất công nghiệp trong phát triển và phân bố sản xuất

Công nghiệp là một ngành sản xuất vật chất quan trọng, đặc trưng cho trình độ phát triển và vững mạnh của nền kinh tế quốc dân. Vai trò của công nghiệp đối với phát triển và phân bố sản xuất được thể hiện như sau:

Phát triển công nghiệp là con đường tất yếu và duy nhất để cải tạo và hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân; làm cho các ngành kinh tế quốc dân được sản xuất, tổ chức và quản lý theo phương pháp công nghiệp với hiệu quả cao.

Phát triển và phân bố công nghiệp tác động mạnh mẽ và sâu sắc tới sự phân bố của các ngành sản xuất khác, tới toàn bộ tổ chức lãnh thổ của một xã hội, tới sinh thái môi trường. Các điểm công nghiệp, các trung tâm công nghiệp được phân bố ở đâu thường làm biến đổi theo nó sự phân bố của nông nghiệp, giao thông vận tải, các ngành dịch vụ... hình thành ở đó những điểm dân cư lớn, tập trung, đẩy mạnh quá trình đô thị hoá, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt xã hội và môi trường thiên nhiên.

Phát triển và phân bố công nghiệp sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để đẩy mạnh cách mạng khoa học, công nghệ và ứng dụng những thành tựu của nó vào phát triển nền kinh tế quốc dân.

Phát triển và phân bố công nghiệp sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng các quan hệ kinh tế- thương mại với nước ngoài.

Phát triển và phân bố công nghiệp hợp lý còn góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng và khả năng phòng thủ đất nước. Phát triển và phân bố công nghiệp đúng đắn đem lại những hiệu quả to lớn cho toàn bộ xã hội, ảnh hưởng tới sự hình thành các tổng thể sản xuất lãnh thổ của các vùng, tới bộ mặt kinh tế-xã hội của đất nước. Ngược lại, sai lầm trong phân bố công nghiệp sẽ gây những tác hại lâu dài không chỉ cho bản thân các xí nghiệp, cho ngành công nghiệp mà còn tác hại tới các ngành sản xuất khác và đời sống nhân dân, gây ô nhiễm và phá hoại môi trường.

Nước ta đang trong quá trình phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phân bố công nghiệp trở thành một bộ phận quan trọng trong tổ chức nền kinh tế-xã hội theo lãnh thổ.

3.1.2. Đặc điểm tổ chức lãnh thổ ngành sản xuất công nghiệp

3.1.2.1. Đặc điểm chung

- Sản xuất công nghiệp có khả năng thực hiện chuyên môn hóa sản xuất sâu và hiệp tác hóa sản xuất rộng

Do đối tượng sản xuất của ngành sản xuất công nghiệp là những vật vô sinh, sản xuất ít chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên. Quá trình sản xuất công nghiệp diễn ra liên tục, trình tự sản xuất không bắt buộc, mặt khác để sản xuất ra một sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh đòi hỏi phải có sự phối hợp của nhiều loại lao động. Do đó muốn nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất, đòi hỏi phải thực hiện sản xuất chuyên môn hóa sâu đến từng bộ phận, từng chi tiết của sản phẩm. Nhưng đi liền với sản xuất chuyên môn hoá, đòi hỏi phải có sự hiệp tác hóa sản xuất là hai mặt không thể tách rời trong sản xuất để tạo ra sản phẩm cuối cùng. Cho nên, chuyên môn hóa sản xuất và hiệp tác hóa sản xuất là hai mặt không thể tách rời trong sản xuất công nghiệp. Chuyên môn hóa sản xuất càng sâu đòi hỏi hiệp tác hóa sản xuất càng rộng. Từ đặc điểm trên, trong phát triển và phân bố công nghiệp phải nghiên cứu, lựa chọn được những vị trí phân bố hợp lý, tạo thuận lợi cho thực hiện chuyên môn hóa sản xuất và hiệp tác hóa sản xuất để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

- Sản xuất công nghiệp có xu hướng phân bố ngày càng tập trung cao độ theo lãnh thổ:

Phân bố tập trung theo lãnh thổ là quy luật phát triển của sản xuất công nghiệp thể hiện ở quy mô xí nghiệp và mật độ sản xuất các xí nghiệp công nghiệp trên một đơn vị lãnh thổ. Tính tập trung theo lãnh thổ của sản xuất công nghiệp có nhiều ưu điểm, song cũng có nhiều nhược điểm. Công nghiệp phân bố tập trung theo lãnh thổ hình thành những điểm công nghiệp, khu công nghiệp, vùng công nghiệp sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để thực hiện chuyên môn hóa sản xuất và hiệp tác hóa sản xuất, khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản xuất, đưa lại hiệu quả kinh tế xã hội cao. Tuy nhiên nếu quy mô tập trung công nghiệp theo lãnh thổ quá mức, vượt quá sức chứa của lãnh thổ, sẽ gây ra rất nhiều khó khăn đó là: làm hình thành những khu công nghiệp lớn, những trung tâm dân cư đông đúc, những thành phố khổng lồ, tạo sức ép lớn lên hệ thống cơ sở hạ tầng, gây khó khăn phức tạp cho tổ chức, quản lý xã hội và môi trường. Vì vậy cần nghiên cứu toàn diện những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trong từng địa phương; từng vùng cũng như trên lãnh thổ cả nước để lựa chọn quy mô phân bố công nghiệp cho phù hợp.

- Sản xuất công nghiệp có nhiều khả năng tổ chức phân bố thành loại hình xí nghiệp liên hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất:

Trong nền công nghiệp hiện đại, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp có mối quan hệ với nhau trong quy trình công nghệ sản xuất đó là: cùng sử dụng chung loại sản phẩm khác nhau. Vì vậy trong phát triển và phân bố công nghiệp, những cơ sở công nghiệp có mối quan hệ như trên cần được tổ chức, phân bố thành loại hình xí nghiệp liên hợp để nâng cao hiệu quả trong sản xuất. Xí nghiệp liên hợp có đặc trưng ở sự thống nhất về quy trình công nghệ sản xuất và về mặt lãnh thổ của các cơ sở sản xuất nằm trong cơ cấu của xí nghiệp liên hợp. Giữa các cơ sở sản xuất trong xí nghiệp liên hợp có những mối liên hệ tuần tự với nhau trong một đơn vị quản lý hành chính, kỹ thuật. Loại hình xí nghiệp liên hợp có ưu điểm: giảm bớt được chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, cho phép sử dụng một cách tổng hợp và có hiệu quả các nguồn nguyên, nhiên liệu, vật liệu, rút ngắn các chu kỳ sản xuất, giảm hao phí lao động sống, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, đưa lại hiệu quả kinh tế-xã hội cao.

3.1.2.2. Đặc điểm tổ chức lãnh thổ của một số ngành công nghiệp chủ yếu

- Công nghiệp điện lực:

- Ngành công nghiệp điện lực sản xuất ra một loại năng lượng không thể tích trữ tồn kho được, nhưng có khả năng chuyển tải đi xa bằng đường dây cao thế, vì vậy trong phát triển và phân bố công nghiệp điện lực cần chú ý tới phát triển và phân bố hợp lý mạng lưới điện quốc gia thống nhất để nối liền các cơ sở sản xuất với các cơ sở tiêu dùng điện, nhằm điều hòa cung- cầu về điện, tận dụng công suất các nhà máy điện, đảm bảo an toàn trong sử dụng điện đến tất cả các vùng lãnh thổ, thúc đẩy kinh tế-xã hội của đất nước phát triển.

- So với nhà máy thủy điện có cùng công suất, nhà máy nhiệt điện có thời gian xây dựng ngắn hơn, vốn đầu tư ban đầu lớn hơn, nhưng khi đi vào sử dụng lại có giá thành một đơn vị điện lực cao hơn so với nhà máy thủy điện. Từ đặc điểm này trong phát triển và phân bố công nghiệp điện lực cần nghiên cứu kết hợp tốt giữa các loại hình nhà máy điện cho phù hợp với khả năng, vốn đầu tư và nhu cầu tiêu dùng điện trong từng giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội.

- Công suất nhà máy điện càng lớn, công nghệ càng hiện đại, mạng lưới phân phối điện càng rộng thì giá thành một đơn vị điện lực sản xuất ra càng rẻ. Do đó trong phát triển điện lực cần nghiên cứu, phân tích toàn diện điều kiện tự nhiên khả năng kinh tế-kỹ thuật. Nên xây dựng nhà máy có quy mô công suất lớn sẽ có lợi hơn xây dựng nhà máy điện công suất nhỏ.

- Công nghiệp luyện kim:

- Ngành công nghiệp luyện kim sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng nên thường được phân bố gần các vùng mỏ kim loại. Tuy nhiên, cũng có thể phân

bổ gần các trung tâm cơ khí nặng để đáp ứng yêu cầu nguyên liệu, hoặc gần vùng nhiên liệu lớn.

- Ngành luyện kim đen bao gồm nhiều giai đoạn sản xuất phức tạp, đòi hỏi phải được phân bổ thành một loại hình xí nghiệp liên hợp quy mô lớn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Ngành công nghiệp luyện kim màu, do hàm lượng kim loại trong quặng thường thấp và rất thấp, nên khi phân bổ thường có thêm công đoạn làm giàu quặng trước khi tinh luyện, công đoạn này cần phân bổ ngay trong vùng khai thác quặng: các xí nghiệp tinh luyện nên phân bổ gần nơi khai thác, làm giàu quặng hoặc nơi giàu nhiên liệu năng lượng. Địa điểm phân bổ còn tùy thuộc vào kỹ thuật và công nghệ tinh luyện thích hợp với mỗi loại quặng.

- Công nghiệp cơ khí:

Ngành cơ khí vừa có yêu cầu phân bổ tập trung, vừa có yêu cầu phân bổ phân tán. Phần lớn các ngành cơ khí được phân bổ gần thị trường tiêu thụ, gần trung tâm khoa học, gần nơi tập trung lao động. Có thể phân chia ngành cơ khí thành các nhóm để phân bổ:

- Cơ khí nặng cần phân bổ gần nguồn nguyên liệu.
- Cơ khí trung bình, máy móc, thiết bị nên phân bổ gần những nơi tiêu thụ lớn.
- Cơ khí chính xác phân bổ gần trung tâm khoa học- kỹ thuật, gần nguồn lao động có kỹ thuật, vùng tập trung dân cư có trình độ dân trí cao.
- Cơ khí sửa chữa, lắp ráp nên phân bổ rộng khắp thành một hệ thống, mạng lưới trong cả nước.

- Công nghiệp hóa chất:

- Những cơ sở sản xuất công nghiệp hóa chất sử dụng những hóa chất độc hại, hoặc sản xuất ra các hóa phẩm độc hại, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của dân cư, cần được phân bổ xa các khu dân cư, xa nguồn nước sinh hoạt và không được phân bổ trước hướng gió chủ yếu của vùng.

- Những cơ sở sản xuất hóa chất, sản xuất ra những sản phẩm chuyên chở đi xa không có lợi và nguy hiểm (chất gây cháy nổ, hóa chất cơ bản...), nên phân bổ gần nơi tiêu thụ.

- Đối với những cơ sở sản xuất hóa chất có quan hệ với nhau trong quy trình công nghệ sản xuất, trong phát triển và phân bổ nên tổ chức thành loại hình xí nghiệp liên hợp để nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

Sản phẩm của ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thường có khối lượng lớn, giá trị thấp, vận chuyển đi xa không kinh tế, nên thường được phân bố ở những vùng có sẵn nguyên liệu hoặc vùng tiêu thụ. Tuy nhiên trong phát triển và phân bố, ngành này cũng được chia thành ba nhóm với những yêu cầu phân bố khác nhau, đó là:

- Đối với những cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng nguồn nguyên liệu rẻ tiền, khó chuyên chở đi xa so với thành phẩm (xi măng...) thường được phân bố ở vùng có sẵn nguyên liệu.

- Đối với những cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng sản xuất ra những sản phẩm có kích thước lớn, công kênh, nặng nề, khó chuyên chở đi xa so với nguyên liệu (bê tông đúc sẵn) nên phân bố gần nơi tiêu thụ.

- Đối với những cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng quy mô nhỏ, công nghệ sản xuất đơn giản, sử dụng nguồn nguyên liệu rẻ tiền có ở khắp mọi nơi (sản xuất vật liệu xây dựng thông thường) nên phân bố rộng khắp để phục vụ yêu cầu tiêu dùng của dân cư.

3.1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp

3.1.3.1. Nhân tố lịch sử-xã hội

Sản xuất công nghiệp đòi hỏi một cơ sở vật chất kỹ thuật lớn, nên lượng vốn đầu tư ban đầu rất cao. Trong phát triển và phân bố công nghiệp, người ta thường dựa vào các cơ sở công nghiệp cũ (được hình thành và phát triển trong quá khứ), dựa vào đó mà mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ sản xuất. Do đó, sự phát triển và phân bố công nghiệp trong quá khứ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp trong hiện tại và tương lai. Vì vậy trong phát triển và phân bố công nghiệp ngày nay, cần phải đặc biệt chú ý nghiên cứu, lựa chọn được vị trí phân bố hợp lý (không những trong hiện tại mà cả trong tương lai) để nâng cao hiệu quả sản xuất cho từng cơ sở sản xuất công nghiệp, cho toàn ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

3.1.3.2. Sự phân bố của các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa hàng đầu đối với các ngành công nghiệp luyện kim và chế biến kim loại, chế biến nông-lâm-thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng... Vì vậy sự phân bố các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên các vùng lãnh thổ của đất nước có ảnh hưởng đến phát triển và phân bố công nghiệp.

3.1.3.3. Cơ sở kinh tế-xã hội

Nền công nghiệp của nước ta hiện nay đã có được một cơ sở vật chất, kỹ thuật nhất định, kể cả hệ thống cơ sở hạ tầng (than, dầu, thủy điện, mạng lưới vận tải...) và hàng loạt ngành công nghiệp cơ bản... đã có đội ngũ lao động kỹ thuật cao có tay nghề và trình độ chuyên môn khá vững vàng. Ví dụ ngành dầu khí non trẻ đã có tới trên 2000 trong số trên 9000 lao động có trình độ đại học và trên đại học. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế, kích thích nhu cầu tiêu dùng của toàn xã hội ngày càng đa dạng và phong phú hơn đối với sản xuất công nghiệp. Bên cạnh đó, con đường liên doanh, hợp tác với nước ngoài mở ra thị trường rộng lớn đối với công nghiệp nước ta, đồng thời cũng đặt nền công nghiệp nước ta trước những thách thức lớn phải vượt qua.

3.1.4. Tình hình phát triển và phân bố công nghiệp Việt Nam

3.1.4.1. Tình hình chung

Hiện nay, nước ta đã hình thành một hệ thống công nghiệp, bao gồm các ngành công nghiệp nặng và các ngành công nghiệp nhẹ phong phú, đa dạng. Công nghiệp nặng bao gồm một hệ thống các ngành từ năng lượng (than, điện, dầu khí), luyện kim (luyện kim đen, luyện kim màu), cơ khí (từ cơ khí sửa chữa lắp ráp đến cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử), hóa chất (hóa chất cơ bản, hóa chất phân bón, thuốc trừ sâu), vật liệu xây dựng (từ khai thác đến chế biến), công nghiệp khai thác, chế biến gỗ và lâm sản khác... ngành công nghiệp nhẹ (kể cả công nghiệp thực phẩm, in, xà phòng, bóng đèn, pin nước... đến hệ thống các xí nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm từ các sản phẩm trồng trọt (xay sát, đường, bia rượu, thuốc lá, hoa quả hộp) đến hệ thống các xí nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm từ các sản phẩm chăn nuôi (thịt hộp, thịt đông lạnh, sữa...) sản phẩm của các ngành thủy sản (nước mắm, tôm, cá hộp, bột cá...).

Công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương là hai loại hình phân cấp quản lý trong sản xuất công nghiệp tồn tại và hỗ trợ cho nhau phát triển. Công nghiệp trung ương bao gồm những xí nghiệp công nghiệp thuộc các ngành quan trọng được phân bố ở những vùng có điều kiện thuận lợi, đồng thời giữ vai trò nòng cốt và chủ đạo đối với toàn ngành công nghiệp. Công nghiệp địa phương gồm nhiều ngành (gồm cả tiểu thủ công nghiệp) tạo thành một mạng lưới công nghiệp từ cơ khí sửa chữa, cơ sở chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, nông cụ cải tiến, hàng tiêu dùng... trên cơ sở nguyên liệu, lao động và thị trường địa phương. Hệ thống các ngành công nghiệp địa phương đã hỗ trợ cho công nghiệp trung ương phát triển và có tác dụng to lớn trong việc khai thác tiềm năng về tài nguyên, lao động và thị trường địa phương, nâng cao trình độ phát triển tổng hợp các ngành kinh tế địa phương.

Trong những năm qua, các xí nghiệp quốc doanh và cơ sở ngoài quốc doanh đã sản xuất hàng vạn mặt hàng, bao gồm nhiên liệu - năng lượng, máy móc thiết bị, kim loại, hóa chất, phân bón, thuốc trừ sâu, xi măng và nhiều loại sản phẩm tiêu dùng đáp ứng một phần nhu cầu của các ngành nông-lâm-ngư nghiệp, nhu cầu tiêu dùng trong cả nước và xuất khẩu. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 tăng 14,4% so với năm 2001. Cả ba khu vực kinh tế trong công nghiệp đều tăng trưởng khá, trong đó cao nhất là công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 19,1%, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,9%, công nghiệp khu vực nhà nước tăng 11,7% (trong đó trung ương quản lý tăng 12,6%) và giữ vững vai trò chủ đạo với tỷ trọng 40% tổng giá trị sản phẩm toàn ngành. Đáng chú ý là, khu vực doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chủ trương cổ phần hoá, đã phát huy tác dụng tích cực trong đổi mới cơ cấu đầu tư, cải tiến quản lý và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Từ khi nước ta hoàn toàn thống nhất đến nay, cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ công nghiệp nước ta đã bước đầu có những chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Nhiều điểm công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm công nghiệp được hình thành và phát triển. Trong đó bốn thành phố lớn là: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng chiếm gần 50% tổng số xí nghiệp công nghiệp. Các tỉnh có trên 100 xí nghiệp công nghiệp đang hoạt động đó là: Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Quảng Ninh. Công nghiệp nặng và công nghiệp sản xuất nguyên liệu được phân bố nhiều ở các tỉnh miền Bắc. Ngược lại ở các tỉnh miền Nam tập trung chủ yếu là công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và cơ khí lắp ráp. Hiện nay và những năm tiếp theo, nước ta đang tiếp tục phát triển và hiện đại hóa công nghiệp, tiếp tục điều chỉnh cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế cho phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế-xã hội hiện nay và trong tương lai.

3.1.4.2. Tình hình phân bố các ngành công nghiệp

- Công nghiệp năng lượng - nhiên liệu:

Năng lượng là cơ sở của sự phát triển các lực lượng sản xuất, là động lực thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, bảo đảm cho việc thực hiện cơ giới hóa tự động hóa các quá trình sản xuất. Ngành năng lượng-nhiên liệu ảnh hưởng rất rõ nét tới sự phân bố các ngành công nghiệp khác, tới sự phát triển và hoàn thiện cơ cấu sản xuất của từng vùng.

Công nghiệp năng lượng-nhiên liệu gồm hai ngành chính có liên quan chặt chẽ với nhau: công nghiệp nhiên liệu và công nghiệp điện lực.

Công nghiệp năng lượng-nhiên liệu hiện nay ở nước ta đang chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp. Những cơ sở công nghiệp năng lượng-nhiên liệu lớn ở nước ta hiện nay đáng chú ý là: các xí nghiệp khai thác than lớn tập trung ở vùng than Quảng Ninh (Vàng Danh, Cẩm Phả, Hòn Gai...) chiếm gần 90% sản lượng than các loại. Ngoài ra còn có nhiều mỏ than khác, phân bố rải rác ở một số khu vực Đồng bằng sông Hồng, các tỉnh khu IV và vùng U Minh, Cà Mau.

- Công nghiệp nhiên liệu:

Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp quan trọng này. Quá trình tìm kiếm và thăm dò dầu khí ở nước ta đã tiến hành từ thập kỷ 60 ở cả hai miền Nam Bắc. Sau 7 năm thăm dò, năm 1979 mỏ khí đốt nhỏ ở Tiền Hải, Thái Bình đã được phát hiện. Năm 1986 lần đầu tiên nước ta bắt đầu khai thác được dầu khí trên vùng biển Bà Rịa-Vũng Tàu. Sản lượng khai thác dầu khí hàng năm tăng nhanh, tính đến hết năm 2002 đã khai thác được trên 100 triệu tấn dầu thô. Nước ta đã trở thành một trong 44 nước trên thế giới có khai thác dầu khí và đứng thứ 4 ở Đông Nam Á về sản lượng khai thác dầu hàng năm. Cơ sở lọc dầu đầu tiên đã được xây dựng ở Tuy Hạ cách thành phố Hồ Chí Minh 15km về phía đông đã hoạt động từ năm 1988 với công suất 40 vạn tấn năm. Hiện nay ngành dầu khí đang chuẩn bị tích cực cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất (Quảng Ngãi) công suất 6,5 triệu tấn/năm và tiếp đó là nhà máy lọc dầu số 2 ở Nghi Sơn - Thanh Hoá.

Bên cạnh việc khai thác dầu, việc đưa khí đồng hành từ mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng vào bờ để chạy tuabin khí ở nhà máy điện Thủ Đức (36 MW) và Bà Rịa (108 MW) cũng là những kết quả rất quan trọng.

Công nghiệp dầu khí, tính đến hết năm 2002 đã sử dụng trên 9000 lao động.

Tuyệt đại bộ phận được đào tạo có trình độ kỹ thuật cao, trong đó trên 2000 cán bộ có trình độ đại học và trên đại học, với các chuyên gia đầu ngành (chiếm gần 30% tổng số lao động).

- Công nghiệp điện lực:

Trong gần 30 năm phát triển (1975 -2002), công nghiệp điện lực nước ta đã đạt được những kết quả rất khả quan; chúng ta đã xây dựng được nhiều nhà máy điện lớn, nhỏ với các loại hình khác nhau, trong đó đáng chú ý là nhà máy thủy điện Hòa Bình công suất 1920MW, nhà máy nhiệt điện Phả Lại 640MW, nhà máy thủy điện Yaly công suất 720MW, nhà máy thủy điện Trị An 400MW, nhà máy thủy điện Hàm Thuận 400MW, củng cố và cải tạo các nhà máy thủy điện đã có như Đa Nhim 160MW, Thác

Bà 108 MW... đã đưa vào sử dụng 83 trạm thủy điện nhỏ và vừa với tổng công suất 4,3 MW và trên 200 trạm thủy điện từ 10 - 50KW ở miền núi.

Hình thành công nghiệp thiết bị điện và tự giải quyết việc trang thiết bị, tuabin cho nhà máy thủy điện công suất từ 04 đến 250KW với áp lực cột nước từ 10 - 130m. Ngành công nghiệp thiết bị điện cũng đã tự chế tạo được các loại biến áp từ 3500KVA đến 100.000KVA.

Thiết kế và xây dựng quy hoạch điều phối điện trong cả nước thành một mạng lưới thống nhất, nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng giữa các vùng, với các trạm và đường dây tải có điện áp tương ứng từ 3,5 KV đến 120KV. Riêng miền Bắc có một trạm biến áp 220 KV, 31 trạm 110 KV, 7500 trạm trung gian phân phối cho 8.000 biến áp các loại. Tuyến đường dây cao áp 500 KV (Hòa Bình – Phú Lâm) dài 1.487km được hoàn thành năm 1994 đã đưa 5,6 tỷ KW/h điện từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam.

Một đặc điểm quan trọng của ngành công nghiệp điện lực nước ta là thủy điện trong cơ cấu điện lực ngày càng tăng, từ 28% năm 1985 đến hết năm 1995 thủy điện trong cơ cấu điện năng đã chiếm 72,5% (nhiệt điện 16,8%, tuốc bin khí 7,8%, điêzen 2,7%, nguồn khác 0,2%). Thực trạng đó nói lên vị trí của thủy điện hiện nay rất quan trọng. Các năm sau này, vị trí đó còn được tăng thêm khi thủy điện Nà Hang, Xê Xan, Sơn La và nhiều nhà máy thủy điện nhỏ khác đi vào hoạt động.

Sự phát triển ngành công nghiệp điện năng nước ta theo dự báo phân bố hướng vào những nơi trực tiếp cung cấp nguồn lực (than, thác nước) hoặc nằm ở những vùng tiêu thụ lớn. Đó là sự phân bố mang tính chất phụ thuộc rõ rệt. Sự điều phối chủ yếu thông qua hệ thống tải điện hơn là sự phân bố các điểm nhiệt điện ở các điểm thuận lợi chuyên chở than dầu. Quá trình phân bố ấy hình thành 3 vùng năng lượng lớn đó là:

- Vùng công nghiệp năng lượng Bắc Bộ. Tính từ phạm vi Thanh hóa trở ra Bắc, vùng này trước mắt có cơ sở năng lượng từ hai nguồn than đá và thác nước. Đây là một trong hai vùng tiêu thụ điện năng lớn nhất cả nước.

- Vùng công nghiệp năng lượng Nam Bộ. Tính từ lưu vực sông Đồng Nai trở xuống, dựa trên cơ sở năng lượng thủy năng của hệ thống các sông vùng Đông Nam Bộ và nguồn năng lượng từ khí đồng hành của công nghiệp khai thác dầu khí

- Vùng công nghiệp năng lượng Trung Trung Bộ gồm một dải ven biển từ Nghệ An đến Khánh hóa và ba tỉnh Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk). Công nghiệp năng lượng vùng này phát triển chủ yếu dựa trên cơ sở nguồn thủy năng các hệ

thống sông ở Tây Nguyên và hệ thống sông khác ở trong vùng, cũng như một số cơ sở nhiên liệu khác.

- Công nghiệp luyện kim và chế biến kim loại:

Công nghiệp luyện kim và chế biến kim loại nước ta do điều kiện kinh tế và chiến tranh nên chậm phát triển, từ 1975 đến nay được quan tâm chú ý phát triển và ngành đang hướng mạnh vào các lĩnh vực:

- Thăm dò, đánh giá trữ lượng, đưa vào khai thác và mở rộng khai thác các mỏ: thiếc, nhôm, crôm, titan, sa khoáng...

- Nhập kỹ thuật mới, thông qua hợp tác-đầu tư với công ty thép nước ngoài, cố gắng đáp ứng nhu cầu trong nước, hạn chế nhập thép thành phẩm từ nước ngoài.

- Sắp xếp lại tổ chức, nhằm thích ứng với các hoạt động hợp tác-đầu tư trong nền kinh tế thị trường, theo định hướng XHCN.

Việc khai thác và chế biến kim loại được phân bố dưới hai hình thức:

- + Phân bố ngay trong vùng nguyên liệu như thiếc ở Tĩnh Túc (Cao Bằng), Sơn Dương (Tuyên Quang), quý Hợp (Nghệ An).

- + Phân bố ở thị trường có nhu cầu sử dụng kim loại như nhà máy cán thép ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa-Vũng Tàu, Biên Hoà, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ... Với công suất các nhà máy này từ 120.000 tấn đến 200.000 tấn/năm.

- Công nghiệp cơ khí:

Công nghiệp cơ khí là ngành công nghiệp đảm bảo việc sản xuất công cụ, thiết bị, máy động lực cho tất cả các ngành sản xuất. Vì thế, trước yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, công nghiệp cơ khí phải đủ sức mạnh để thực hiện các nội dung của cách mạng công nghiệp, đổi mới công nghệ cho các ngành kinh tế then chốt và thực hiện cách mạng kỹ thuật. Đến nay, ngành công nghiệp cơ khí nước ta có đặc điểm:

- Đủ sức mạnh chế tạo nhiều loại máy công cụ vừa và nhỏ, chế tạo được nhiều thiết bị chuyên ngành như thiết bị điện, thiết bị khai thác mỏ, máy kéo công suất 12cv, máy bơm các loại, thiết bị xi măng lò đứng 100.000 tấn/năm máy gạch công nghiệp từ 1-3 tỷ viên/năm.

- Có đội ngũ thợ lắp ráp máy lành nghề, đạt đến trình độ cao, đủ sức lắp ráp các máy móc thiết bị kỹ thuật hiện đại như: thiết bị thủy điện, nhiệt điện lớn, thiết bị xi măng, thiết bị dàn khoan dầu khí ngoài thềm lục địa, lắp ráp xe hơi, tàu biển hiện đại, các thiết bị điện tử, vi mạch phức tạp...

- Cải tạo, củng cố và bổ sung thiết bị để nâng cao năng lực của ngành cơ khí miền Nam để trở thành các trung tâm trang thiết bị lớn. Bốn trung tâm cơ khí theo thứ tự được xây dựng bổ sung gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Đà Nẵng, Cần Thơ. Tuy nhiên, công nghiệp cơ khí cho đến nay vẫn chưa phát triển tương xứng với vai trò của nó. Sản phẩm làm ra chỉ phục vụ thị trường trong nước, ít có khả năng cạnh tranh. Nguyên nhân chính là: Chậm đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị cũ kỹ; chương trình đào tạo và đào tạo lại không còn thích ứng với nhu cầu và sự phát triển của kỹ thuật; chính sách phát triển chưa phù hợp. Quá trình xây dựng và phát triển ngành công nghiệp cơ khí đã tạo ra một mạng lưới xí nghiệp được phân bố theo hai hướng: vừa tập trung thành các trung tâm cơ khí đóng vai trò “hạt nhân” ở các thành phố lớn vừa trải rộng và đều khắp ở các tỉnh nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, giao thông vận tải và sản xuất hàng tiêu dùng.

- Công nghiệp hóa chất:

Ngành công nghiệp hóa chất nước ta trước đây phát triển chậm, từ sau ngày nước nhà hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã và đang chú ý tập trung phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp này. Các xí nghiệp hóa chất quan trọng và lớn của nước ta hiện nay là những xí nghiệp thuộc nhóm ngành sản xuất phân bón, chế biến cao su, sản xuất đồ nhựa và dược phẩm như: apatit Lào Cai, supe phốt phát Lâm Thao, pirít Phú Thọ, phân đạm Hà Bắc, phân lân nung chảy Văn Điển, Hàm Rồng, phốt phát Vĩnh Thịnh, sunphát Thanh Hoá, nhiều xí nghiệp sản xuất phân bón hỗn hợp ở ven thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh (như phân bón tổng hợp sông Gianh...); cao su Sao Vàng (Hà Nội), cao su Hóc Môn, Đồng Nai, Bình Lợi, Đà Nẵng...; xí nghiệp dược phẩm I (Hà Nội), dược phẩm 22, 24, 26 thành phố Hồ Chí Minh. Công nghiệp hóa chất sản xuất mặt hàng đồ nhựa phát triển mạnh mẽ như Song Long... nhiều loại hình hóa chất khác như nhà máy hóa chất Việt Trì, pin Văn Điển.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trong những năm gần đây được phát triển rất mạnh mẽ và phân bố rộng rãi khắp nơi trên cơ sở gắn với nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Nhìn chung về phân bố ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đã hình thành nên các trung tâm sản xuất vật liệu xây dựng quan trọng ở nước ta như sau:

- Vùng sản xuất vật liệu xây dựng Bắc Bộ:

Từ Thanh hóa ra Bắc Bộ có nhiều xí nghiệp sản xuất xi măng lớn, các xí nghiệp gạch công nghiệp, gốm ceramic và sứ vệ sinh như: xi măng Hải Phòng 0,4 triệu tấn/năm;

Chinh-Fong Hải Phòng 1,4 triệu tấn/năm; Hoàng Thạch 1 và 2: 2,3 triệu tấn/năm; 3 nhà máy xi măng ở Quảng Ninh 4,5 triệu tấn/năm; Bút Sơn 1,4 triệu tấn/năm; Bim Sơn 2,4 triệu tấn/năm; Nghi Sơn 2,3 triệu tấn/năm; Hoàng Mai 1,4 triệu tấn/năm và một số nhà máy xi măng có công suất nhỏ hơn.

Gạch, gốm ceramic và sứ vệ sinh ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên, Thái Bình với 3 xí nghiệp gạch gốm công suất 1 triệu m²/năm mỗi xí nghiệp. Đây là vùng sản xuất vật liệu xây dựng lớn nhất cả nước, với trên 20 triệu tấn xi măng, 5 triệu m² gạch gốm, trên 1 triệu sản phẩm sứ vệ sinh.

- Trong vùng còn có xí nghiệp gạch ngói Giếng Đáy lớn nhất cả nước, công suất đạt 3 - 4,5 triệu viên/năm; xí nghiệp kính Đáp Cầu công suất đạt 30 triệu tấn/năm.

- Vùng sản xuất vật liệu xây dựng Nam Bộ:

Về xi măng có nhà máy xi măng Hà Tiên 1,3 triệu tấn/năm; liên doanh Sao Mai 1,76 triệu tấn/năm, là những xí nghiệp công suất lớn; ngoài ra còn có một số xí nghiệp nhỏ khác như ở Vĩnh Long, Cần Thơ, Vũng Tàu, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy tiềm năng lao động, vùng này đã khai thác nguyên liệu tại chỗ, nhập khẩu kỹ thuật mới và đưa vào sản xuất gạch gốm và sứ vệ sinh ở thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ.

- Vùng sản xuất vật liệu xây dựng Trung Bộ:

Trung bộ có nhiều tiềm năng nguyên liệu cho phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như cát có hàm lượng SiO₂ cao, đá granit. Hiện nay từ Quảng Bình đến Bình Thuận chỉ có 2 liên doanh xi măng Thành Mỹ (Quảng Nam) 1,5 triệu tấn/năm; Vân Xa (Thừa Thiên-Huế) 0,5 triệu tấn/năm, còn lại là 5 trạm nghiền clanhke nhỏ. Gạch men ceramic và sứ vệ sinh chỉ có ở Đà Nẵng và Huế, với 3 triệu m²/năm gạch gốm sứ và 300.000 sản phẩm sứ vệ sinh/năm.

- Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng:

Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng có vị trí quan trọng, đảm bảo cung cấp dinh dưỡng, thuận tiện cho đời sống sinh hoạt, góp phần tái tạo lại sức khỏe cho người lao động. Ngoài ra nó còn giải phóng cho lao động nội trợ thoát khỏi ảnh hưởng phụ thuộc vào bếp núc cổ ruyền; thông qua các hoạt động chế biến công nghiệp làm cho các sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp dễ bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, nâng cao được hiệu quả kinh tế. Nước ta là một nước nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng cung cấp nguồn nguyên liệu cho phát triển ngành công nghiệp này rất đa dạng, phong phú. Ngành công nghiệp

chế biến lương thực - thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta, nếu phát triển tốt sẽ có cơ cấu đa dạng và đóng góp đáng kể vào tích lũy sản phẩm xuất khẩu. Nó rất xứng đáng được xếp vào một trong những ngành mũi nhọn của nước ta. Hiện nay, ngành này mỗi năm chiếm gần 40% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 50% giá trị kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng hiện nay phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp với các cơ sở sản xuất nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Công nghệ- kỹ thuật và chất lượng lao động còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh trên thị trường, nên hiệu quả kinh tế sản xuất của ngành còn thấp.

3.2. Ngành nông – lâm – ngư nghiệp

3.2.1. Vị trí, vai trò, ý nghĩa phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Nông nghiệp - hiểu theo nghĩa rộng và đầy đủ của nó bao gồm cả nông nghiệp (có trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp - có thể nói nông nghiệp là ngành có vị trí, vai trò và ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với xã hội và nền kinh tế quốc dân, nhất là các nước đang phát triển như nước ta đang trong giai đoạn “bước đi ban đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước”.

Trong nền kinh tế quốc dân, nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội và nó có vai trò to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đời sống của nhân dân, điều đó được thể hiện trên các khía cạnh chủ yếu sau:

- Đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội.
- Cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành sản xuất trong công nghiệp, cả công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ.
- Tạo ra nguồn hàng hóa thúc đẩy sự phát triển ngành thương mại trong nước và xuất khẩu.
- Tạo ra tiền đề vững chắc để thực hiện sự phân công lao động theo ngành và theo lãnh thổ. Đồng thời nông nghiệp, nông thôn còn là nơi cung cấp lực lượng lao động cho các hoạt động kinh tế - xã hội khác của đất nước, góp phần quan trọng giải quyết vấn đề xã hội là lao động về việc làm hiện nay.

- Là thị trường rộng lớn tiêu thụ, sử dụng các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội khác tạo ra, thúc đẩy các ngành trong nền kinh tế quốc dân cùng phát triển.

- Đóng góp phần quan trọng trong việc củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng của đất nước ngày càng vững mạnh.

- Tạo dựng môi trường sinh thái tiến bộ và bền vững .

Đó là những đóng góp tích cực của nông nghiệp, nông thôn trên hầu hết các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, quan hệ hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt, đối với Việt Nam từ một nước nông nghiệp đi lên, cùng với những lợi thế về các nguồn lực để phát triển nông nghiệp thì ngành nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta lại càng chiếm giữ vai trò và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3.2.2. Nông nghiệp – lâm nghiệp

3.2.2.1 Những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp

● Những đặc điểm chung

- Sản xuất nông nghiệp được phân bố và phát triển trên phạm vi không gian rộng lớn:

Trong nông nghiệp quá trình sản xuất luôn luôn gắn chặt với đất đai vì đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt không thể thiếu, không thể thay thế được của sản xuất nông nghiệp. Do vậy có thể nói rằng ở đâu có đất có con người thì ở đó đều có thể phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp được, hay nói khác là: không có đất thì không thể có ngành sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, đối tượng sản xuất của nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi có tính thích ứng khá cao với những điều kiện tự nhiên khác nhau.

Với Việt Nam, diện tích đất nông nghiệp đã ít lại có xu hướng giảm dần do quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và đô thị hoá, nhất là các vùng đồng bằng, do vậy, vấn đề đặt ra đòi hỏi quá trình phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần phải quan tâm giải quyết, đó là:

Cần phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp ở tất cả các nơi có điều kiện về đất đai; cần hết sức coi trọng việc sử dụng đầy đủ và hợp lý, có hiệu quả nguồn lực đất đai hiện có; phải tiết kiệm đất đai, coi “tắc đất như tắc vàng”. Đối với những vùng có diện tích đất nông nghiệp với quy mô lớn như các vùng đồng bằng châu thổ, các vùng cao nguyên... cần được phân bố và tổ chức sản xuất tập trung, chuyên môn hóa cây, con

thích hợp để tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn với chất lượng cao, giá thành hạ cung cấp cho nhu cầu của các vùng khác và cho nhu cầu xuất khẩu của đất nước. Đối với các nơi đất hẹp, quy mô diện tích đất nông nghiệp nhỏ, cần phải tận dụng khả năng của đất và lựa chọn cây trồng, vật nuôi thích hợp để phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp có hiệu quả nhằm thỏa mãn nhu cầu tại chỗ về các loại nông sản phẩm.

Ví dụ: hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long cần tập trung thâm canh cao sản xuất cây lúa nước vì nhóm đất phù sa màu mỡ rất thích hợp cho cây lúa sinh trưởng phát triển. Còn đối với vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc thì đất đai ở đó cho phép tập trung phát triển các loại cây đặc sản như chè và các loại cây ăn quả như đào, táo, mận, lê và chăn nuôi đại gia súc. Đối với vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ rất giàu tài nguyên đất đỏ bazan rất thích hợp cho phát triển cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê...

- Sản xuất nông nghiệp gắn chặt với môi trường tự nhiên:

Trong sản xuất nông nghiệp, đối tượng sản xuất là sinh vật, đó là những cây trồng, vật nuôi - chính bản thân chúng đã là các yếu tố hoàn toàn tự nhiên, là một bộ phận quan trọng của môi trường tự nhiên, cho nên quá trình sinh trưởng và phát triển của chúng tuân theo những quy luật tự nhiên riêng của mỗi loại sinh vật và quá trình đó không thể tách rời các điều kiện tự nhiên. Do đó sản xuất nông nghiệp có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc rất nhiều vào môi trường tự nhiên, trong đó đặc biệt là thời tiết, khí hậu, nguồn nước và thổ nhưỡng là những điều kiện, các yếu tố tự nhiên có tác động, ảnh hưởng nhiều nhất, trực tiếp và rõ rệt nhất, thậm chí có khi quyết định đến sự phân bố và quá trình phát triển của sản xuất nông nghiệp.

Muốn phân bố hợp lý và phát triển nền nông nghiệp có hiệu quả cao thì cần phải điều tra nghiên cứu và phân tích cụ thể, chi tiết các yếu tố, các điều kiện tự nhiên của từng địa phương, của mỗi vùng để bố trí cây trồng, vật nuôi thích hợp, giải quyết tốt và thỏa mãn mối quan hệ: “đất - nước - khí hậu và thời tiết - cây trồng và vật nuôi” trong các vùng cụ thể. Mặt khác, đi đôi với việc khai thác tận dụng tối đa những thế mạnh và thuận lợi do tự nhiên mang lại, đồng thời phải có kế hoạch và biện pháp tích cực, hữu hiệu để khắc phục, hạn chế những khó khăn và thiệt hại do chính môi trường tự nhiên gây ra đối với sản xuất nông nghiệp. Cần nắm vững quy luật sinh trưởng và phát triển tự nhiên của từng loại cây trồng và vật nuôi, trên cơ sở đó có các biện pháp tác động thích hợp để tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm cao nhất.

Cần phân bố và phát triển một nền nông nghiệp chuyên môn hóa kết hợp với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế - nghĩa là đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp và

nông thôn nhằm rải vụ sản xuất trong năm, giảm bớt sự căng thẳng trong việc sử dụng các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế trong quá trình sử dụng chúng.

Cần nghiên cứu và áp dụng các biện pháp tích cực, những tiến bộ khoa học - kỹ thuật tác động vào quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi để chúng tự thực hiện chu kỳ sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản:

Ngành sản xuất nông nghiệp tạo ra các loại sản phẩm, nhìn chung có khối lượng công kênh, chứa tỷ lệ nước khá cao và nhiều loại có hàm lượng dinh dưỡng lớn, cho nên nếu không giải quyết tốt khâu vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm và công nghệ sau thu hoạch thì sản phẩm dễ bị hư hao, giảm phẩm cấp. Do đó, cần phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản, tạo thành các chuỗi sản xuất nông- công nghiệp, hình thành các tổ chức liên kết sản xuất nông - công nghiệp - dịch vụ phù hợp với từng vùng, từng địa phương về các điều kiện và khả năng cụ thể. Giải quyết tốt yêu cầu đó sẽ có tác dụng tích cực về nhiều mặt: đảm bảo được chất lượng và làm tăng giá trị của nông sản phẩm, nâng cao trình độ chuyên môn hóa kết hợp với phát triển tổng hợp các ngành kinh tế, giảm bớt tính thời vụ và nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng các yếu tố của sản xuất nông nghiệp. Cụ thể như vùng sản xuất chè búp tươi nhất thiết phải gắn với nhà máy chế biến chè xanh hoặc chè đen (ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Lâm Đồng...) đều có mô hình xí nghiệp công-nông nghiệp này. Trong chăn nuôi bò sữa cũng vậy, sữa tươi thu được có hàm lượng nước cao, hàm lượng mỡ, đường lớn rất dễ hư hỏng, nên ở các vùng chăn nuôi bò sữa phải gắn liền với thị trường có nhu cầu tiêu thụ sữa tươi hoặc gắn liền với các vùng đó là các cơ sở chế biến sữa...

- Những đặc điểm của một số ngành sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp

- Ngành sản xuất cây lương thực:

ở nước ta có tập đoàn cây lương thực khá phong phú và đa dạng, ngoài cây lúa là chủ lực còn có nhóm cây hoa màu lương thực, như: ngô, sắn, các loại khoai, dong riềng, kê... Khi phân bố và phát triển sản xuất nhóm cây trồng lương thực cần chú ý một số đặc điểm chung sau:

+ Cây lương thực có địa bàn phân bố rộng, thường trùng với địa bàn phân bố dân cư.

Ở đâu có đất và có con người sinh sống thì ở đó tất yếu có nhu cầu về sản phẩm lương thực và do đó có thể phát triển và phân bố sản xuất cây lương thực, đồng thời hầu

hết nhóm cây trồng này có khả năng thích ứng cao với điều kiện ngoại cảnh của môi trường tự nhiên. Do đó, có thể và cần phải phân bố, phát triển sản xuất cây lương thực rộng khắp để thỏa mãn nhu cầu tại chỗ, giảm chi phí vận chuyển sản phẩm lương thực từ nơi này đến nơi khác.

Tuy nhiên, cần phải có quy hoạch và kế hoạch cụ thể để phát triển sản xuất lương thực tập trung ở các vùng có điều kiện để thực hiện chuyên môn hóa và thâm canh hóa cao nhằm tạo ra khối lượng sản phẩm nhiều với chất lượng tốt, giá thành hạ để cung cấp cho nhu cầu của các vùng khó khăn trong sản xuất lương thực và cho nhu cầu xuất khẩu của đất nước.

+ Cây lương thực (trừ cây sắn) đều là các cây trồng có thời gian sản xuất ngắn:

Do có đặc điểm này nên khi phân bố và phát triển sản xuất cây lương thực cần lựa chọn tập đoàn và cơ cấu cây lương thực thích hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình của từng vùng, đồng thời cần chú ý thực hiện tốt việc luân canh, gối vụ, xen canh với các cây trồng khác và thâm canh cao để đảm bảo việc sử dụng kết hợp với cải tạo đất đai và quá trình sản xuất đạt được hiệu quả cao.

+ Sản phẩm cây lương thực thường khó bảo quản và chuyên chở, nhất là nhóm cây hoa màu lương thực. Đồng thời cây lương thực có nhiều sản phẩm phụ có thể cung cấp nguồn thức ăn cho chăn nuôi phát triển:

Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất cây lương thực cần chú ý đến việc bảo quản sản phẩm, kết hợp tốt với việc phân bố các cơ sở chế biến lương thực, mặt khác cần kết hợp hợp lý việc phát triển sản xuất cây lương thực với phân bố và phát triển sản xuất ngành chăn nuôi.

- Ngành trồng cây công nghiệp:

Nhóm cây công nghiệp sản xuất ra sản phẩm chủ yếu để cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp nên nó có tên gọi như trên, ngoài ra, cũng có một số tài liệu còn gọi nhóm cây trồng này là cây kinh tế hoặc cây kỹ nghệ chính là do các đặc điểm sản xuất của chúng mà có.

Trong nhóm cây công nghiệp được phân làm 2 loại:

+ Cây công nghiệp ngắn ngày (cây hàng năm) gồm có: Bông, đay, gai, cói, lạc, đậu tương, mía, thuốc lá...

+ Cây công nghiệp dài ngày (cây lâu năm) gồm có chè, cao su, cà phê, dừa, điều, hồ tiêu...

Một số đặc điểm chung cần lưu ý khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp như sau:

+ Cây công nghiệp có nhiều loại khác nhau, thích ứng với từng điều kiện tự nhiên, sinh thái môi trường khác nhau. Do vậy, khi phân bố sản xuất cây công nghiệp cần nghiên cứu kỹ các điều kiện tự nhiên, nhất là đất đai để bố trí cây trồng sao cho thích hợp để tận dụng lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng nhằm sử dụng đất đai có hiệu quả cao và bản thân cây công nghiệp cho năng suất cao với chất lượng tốt và giá thành sản phẩm thấp.

+ Sản xuất cây công nghiệp, nhìn chung đòi hỏi số lượng và chất lượng lao động cao hơn sản xuất cây lương thực, yêu cầu đội ngũ lao động có tay nghề kỹ thuật, có kinh nghiệm và tập quán sản xuất từng loại cây trồng; điều kiện và khả năng cơ giới hóa quá trình sản xuất cây công nghiệp khó khăn hơn sản xuất cây lương thực. Vì thế, khi phân bố sản xuất cây công nghiệp cần quan tâm xem xét đến nguồn lao động để đảm bảo cân đối đủ cả về số lượng và chất lượng cho nhu cầu phát triển sản xuất. Khi mở rộng quy mô diện tích sản xuất cây công nghiệp cũng cần tính đến việc thỏa mãn nhu cầu lao động cho quy mô mới cả về số lượng, chất lượng và thời vụ sử dụng lao động.

+ Sản xuất cây công nghiệp lâu năm đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn lâu. Do đặc điểm đó cho nên khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp cần điều tra, tính toán cụ thể về các điều kiện cơ bản cũng như nhu cầu về các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nhất là vốn, lao động sao cho đảm bảo đầy đủ và có hiệu quả; đồng thời phải nghiên cứu xem xét đến quy hoạch tổng thể và cụ thể của từng vùng để bố trí khu vực sản xuất cây công nghiệp dài ngày đó được phát triển ổn định trong thời gian dài, tránh gây lãng phí.

+ Sản phẩm cây công nghiệp sản xuất ra phần lớn là sản phẩm hàng hóa, bên cạnh đó hầu hết các loại sản phẩm này lại khó chuyên chở và bảo quản, dễ hư hao và giảm phẩm chất, đòi hỏi phải được chế biến kịp thời. Ví dụ: Sản phẩm chè búp tươi hoặc trong sản xuất mía đường, chất lượng của sản phẩm sẽ giảm dần theo thời gian sau thu hoạch nếu không chế biến kịp thời. Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất cây công nghiệp cần phải đảm bảo đầy đủ mọi điều kiện và khả năng để sản xuất ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn với chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; đồng thời đi đôi với việc phân bố sản xuất cây công nghiệp cần giải quyết đồng bộ việc phân bố và xây dựng các cơ sở chế biến sản phẩm theo hình thức liên kết nông - công nghiệp đa dạng và hợp lý.

- Ngành chăn nuôi:

+ Hoạt động sản xuất của ngành chăn nuôi diễn ra liên tục, vừa không mang tính thời vụ như trồng trọt nhưng lại vừa phụ thuộc vào tính chất thời vụ của ngành trồng trọt. Ngành chăn nuôi cung cấp sức kéo và phân bón hữu cơ cho trồng trọt, ngược lại ngành trồng trọt cung cấp thức ăn (thức ăn thô và thức ăn tinh) là yếu tố quyết định đến quy mô và tốc độ phát triển của ngành chăn nuôi. Do vậy nên khi phân bố và phát triển ngành chăn nuôi cần xem xét kỹ để đảm bảo cân đối đầy đủ các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất chăn nuôi, như: vốn, lao động, vật tư, giống, chuồng trại, công tác phòng chống dịch bệnh. Trong các yếu tố đó, đặc biệt chú ý là khả năng cung cấp nguồn thức ăn, cho nên cần phải bố trí hợp lý chăn nuôi với trồng trọt, giải quyết tốt khâu chế biến và dự trữ thức ăn cho chăn nuôi để đảm bảo tốt các điều kiện cho chăn nuôi phát triển đạt hiệu quả cao.

+ Ngành chăn nuôi có quan hệ mật thiết và chặt chẽ với ngành trồng trọt, chúng tạo điều kiện thúc đẩy nhau cùng phát triển nếu như việc phân bố sản xuất cân đối hợp lý và ngược lại. Trong thực tế tùy vào mục đích chăn nuôi sẽ cho ta các sản phẩm chăn nuôi có giá trị khác nhau hoặc cung cấp sức kéo súc vật, hoặc cung cấp các loại con giống, hoặc cung cấp nguồn thực phẩm giàu đạm như thịt, trứng, sữa hoặc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp như lông, da... Do đặc điểm đó nên đồng thời với phân bố và phát triển chăn nuôi cần phải chú ý giải quyết đầy đủ và đúng đắn mối quan hệ hữu cơ giữa hai ngành sản xuất quan trọng này để cả hai ngành cùng phát triển nhằm đem lại hiệu quả cao cho mỗi ngành và cho cả nền nông nghiệp.

+ Ngành chăn nuôi cùng một lúc có thể tạo ra nhiều loại sản phẩm với nhiều giá trị khác nhau, phục vụ cho nhiều ngành sản xuất và đời sống của nhân dân. Vì thế, để giải quyết một vấn đề cơ bản quan trọng là “sản xuất cái mà xã hội cần” thì khi phân bố và phát triển ngành chăn nuôi cần phải căn cứ vào nhu cầu của các ngành sản xuất khác; nhu cầu của thị trường và khả năng tiêu dùng của xã hội, đồng thời cũng cần xuất phát và căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, mỗi vùng để phân bố chăn nuôi sao cho cân đối, thích hợp với thực tế về khả năng các yếu tố đầu vào của sản xuất ngành chăn nuôi để bố trí quy mô và cơ cấu đàn gia súc, gia cầm cho hợp lý, nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng về sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất ngành chăn nuôi.

+ Các sản phẩm là thương phẩm của ngành chăn nuôi sản xuất ra đều khó bảo quản, cần phải được vận chuyển kịp thời đến nơi tiêu thụ sản phẩm tươi sống hoặc chế biến để giữ được phẩm cấp của nó. Vì các loại sản phẩm mà ngành chăn nuôi cung cấp là thương phẩm có tỷ lệ nước cao và hàm lượng dinh dưỡng lớn cho nên rất dễ bị các loại vi khuẩn xâm nhập và làm hư hại sản phẩm. Do vậy phân bố và phát triển chăn nuôi

cần lưu ý kết hợp với việc xây dựng các cơ sở chế biến hoặc bố trí các phương tiện vận chuyển chuyên dùng thích hợp hoặc bố trí gần nơi tiêu thụ sản phẩm, có vậy mới đảm bảo đạt được hiệu quả cao trong chăn nuôi.

3.2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp

- Nhóm nhân tố tự nhiên

Vì đối tượng sản xuất của nông nghiệp là những sinh vật nên sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chặt chẽ vào các điều kiện tự nhiên. Hay nói cách khác là các điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng trực tiếp, thậm chí có khi quyết định đến việc phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong các yếu tố của tự nhiên thì thời tiết - khí hậu và thổ nhưỡng, nguồn nước là có ảnh hưởng và tác động nhiều nhất và chính vì thế nên khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần phải quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ: “Đất - nước - khí hậu và thời tiết - cây trồng và vật nuôi”.

Điều trên đây có thể thấy và chứng minh bằng thực tế rằng: cùng một loại cây trồng nhưng được phân bố và phát triển ở từng vùng khác nhau, chắc chắn sẽ cho năng suất và chất lượng sản phẩm không giống nhau. Đó chính là ảnh hưởng tác động của điều kiện tự nhiên đem lại. Do vậy, việc điều tra nghiên cứu, phân tích và đánh giá đúng đắn điều kiện tự nhiên, nhất là khí hậu - thời tiết, nguồn nước và đất đai là tiền đề cho việc phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp hợp lý có hiệu quả.

Đối với nước ta, điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa cũng như về thủy văn cũng vậy, có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp, song cũng không ít khó khăn bởi tính chất khắc nghiệt của điều kiện khí hậu thời tiết và thủy văn đó gây ra. Do đó, khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần điều tra phân tích đầy đủ các yếu tố về khí hậu thời tiết và thủy văn một cách chi tiết, chính xác nhằm tận dụng, khai thác triệt để lợi thế của nó mang lại, đồng thời khắc phục và hạn chế những khó khăn, tác hại do chính nó gây ra.

Về đất đai, ở nước ta 3/4 diện tích là đất đồi núi dốc, địa hình phức tạp và lý hóa tính của đất rất phong phú, đa dạng; trong toàn bộ diện tích đất tự nhiên của nước ta hiện chỉ có khoảng 11 triệu ha đảm bảo sản xuất an toàn, nhưng diện tích này đã và đang có xu hướng bị giảm đi do các nhu cầu khác của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và đô thị hóa. Mặt khác, dân số vẫn đang trong tình trạng biến động tăng, cho nên bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người vốn đã thấp sẽ còn bị giảm xuống nữa. Do vậy, khi phân bố và phát triển sản xuất nông nghiệp cần lưu ý thực hiện tốt nguyên tắc sử dụng đất “đầy đủ và hợp lý”.

- Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội